

SỞ TƯ PHÁP THANH HOÁ  
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ  
TÀI SẢN

Số: 141 /TB-TTĐVDG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 04 năm 2026

**THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

**1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:** Ủy ban nhân dân xã Thường Xuân - Địa chỉ: Số 15, đường Cẩm Bá Thước, Thôn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Tên tài sản, nơi có tài sản đấu giá:**

Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 08 lô đất tại mặt bằng khu dân cư mới phía bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân (nay thuộc xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa. Có phụ lục kèm theo hồ sơ mời tham gia đấu giá.

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá (08 lô): 2.204.7 m<sup>2</sup>
- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

\* Nơi có tài sản đấu giá: khu dân cư mới phía bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân (nay thuộc xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa.

**3. Giá khởi điểm và tiền đặt trước:**

- Giá khởi điểm: Từ 744.000.000 đồng/lô đến 3.571.584.000 đồng/lô.
- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: từ 100.000 đồng/1 hồ sơ đến 200.000 đồng/1 hồ sơ.
- Tiền đặt trước: Từ 372.000.000 đồng /1 hồ sơ đến 1.785.792.000 đồng /1 hồ sơ.

**4. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tại Ủy ban nhân dân xã Thường Xuân: từ ngày 14/04/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 07/05/2026; tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa: từ ngày 14/04/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 08/05/2026.

b) Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 14/04/2026 đến 18 giờ 00 phút ngày 08/05/2026. Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: 1003027979 mở tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa (Vietcombank).

c) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;



- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân kèm theo;
- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;
- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

**5. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:**

Bắt đầu 08 giờ 30 phút ngày 13/5/2026 Tại Trung tâm Hội nghị xã Thường Xuân. (Thôn 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.)

**6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:**

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

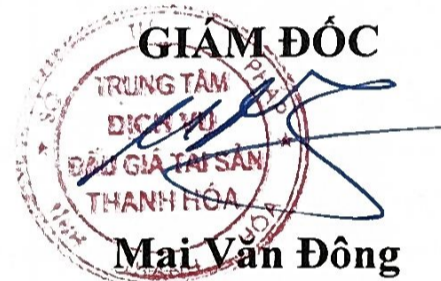
**7. Bước giá: 1%**, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau sao với lần trả giá trước liền kề.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

***Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông báo này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.***

***Nơi nhận:***

- Đăng Báo Thanh Hoá (14/4/2026);
- Đăng Cổng TTĐT Quốc gia về DGTS;
- Đăng Cổng TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HS.



## Phụ Lục

8 lô đất ở tại khu dân cư mới phía Bắc trung tâm hành chính huyện Thường Xuân  
(nay thuộc xã Thường Xuân)

STT	Vị trí lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số	Giá khởi điểm đồng/lô	Tiền đặt trước	Phí hồ sơ
1	A20	120	6,200,000		744,000,000	372,000,000	100,000
2	C37	120	7,100,000		852,000,000	426,000,000	100,000
3	C38	120	7,100,000		852,000,000	426,000,000	100,000
4	BTB:01	395.8	7,920,000	1.2	3,134,736,000	1,567,368,000	200,000
5	BTB:02	318.4	6,600,000		2,101,440,000	1,050,720,000	200,000
6	BTB:05	419.2	8,520,000	1.2	3,571,584,000	1,785,792,000	200,000
7	BTB:08	320	6,100,000		1,952,000,000	976,000,000	200,000
8	BTB:10	391.3	7,440,000	1.2	2,911,272,000	1,455,636,000	200,000
<b>Tổng</b>		<b>2,204.70</b>			<b>16,119,032,000</b>	<b>8,059,516,000</b>	